TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HOÀ** **TỈNH PHÚ YÊN** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ————

Tuy Hoà, ngày 17 tháng 12 năm 2024

Số: **49**/QĐST- DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 191/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP D. Địa chỉ: đường P, Phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T – Giám đốc chi nhánh Phú Yên. Ông T ủy quyền lại cho ông Trần Anh Tín – Nhân viên Phát triển kinh doanh; địa chỉ: đường T, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1965 và bà Dương Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số nợ: Bị đơn ông Nguyễn Minh N và bà Dương Thị L thống nhất thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP D số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng lãi trong hạn là 1.424.973 đồng, lãi quá hạn là 12.603.637 đồng, tổng cộng gốc lãi còn nợ ngân hàng 184.028.610 đồng (*một trăm tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm mười đồng*); tính đến thời điểm ngày 09/12/2024.

Kể từ ngày 10/12/2024 cho đến khi trả xong khoản nợ, bị đơn ông N và bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng các bên đã kí kết tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Tài sản bảo đảm là bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ798471, số vào sổ cấp GCN CH00663 do UBND thành phố Tuy Hòa cấp ngày 23/02/2012 tại Hợp đồng thế chấp số K.0098/TC23 ngày 19/6/2023.

Về án phí: Bị đơn ông N và bà L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện hộ cận nghèo là đã được Nhà nước cấp sổ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP D 4.250.000 đồng (*bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002799 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn chịu chi phí tố tụng thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*). Bị đơn hoàn lại cho Ngân hàng TMCP D số tiền 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) tiền đã tạm ứng chi phí tố tụng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Hưng